



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LẠNH HÒA PHÁT

📍 MIỀN BẮC

39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

📍 MIỀN TRUNG

171 Trường Chinh, P. An Khê, TP Đà Nẵng

📍 MIỀN NAM

22 Võ Văn Kiệt, P. Bến Thành, TP Hồ Chí Minh

📍 NHÀ MÁY HƯNG YÊN

KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên

📍 NHÀ MÁY PHÚ MỸ

KCN Phú Mỹ II mở rộng, P. Tân Phước, TP Hồ Chí Minh

HOTLINE

1800 1022

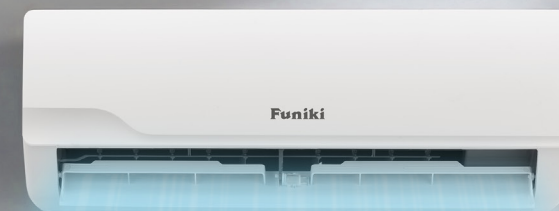
FANPAGE

fb.com/dienmaygiadunghoaphat

WEBSITE

dienmay.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT
ĐIỆN MÁY GIA DỤNG



ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG **Funiki**

2026

Sản phẩm của Tập đoàn Hòa Phát

ĐIỀU HÒA THÔNG MINH FUNIKI THẾ HỆ MỚI POWER AI



THÔNG MINH HƠN

Ứng dụng HAC-SmartLife – Điều khiển thiết bị từ xa thông minh

Điều khiển từ xa

Thoải mái điều khiển điều hòa tại nhà hoặc ngay cả khi bạn đi vắng. Mọi thao tác như bật/tắt, điều chỉnh nhiệt độ, thay đổi chế độ hoạt động... đều thực hiện nhanh chóng ngay trên ứng dụng. Nhờ đó, dễ dàng bật sẵn điều hòa trước khi về đến nhà và luôn kiểm tra được trạng thái thiết bị ngay cả khi ở xa.

Ngoài ra, người dùng có thể thiết lập lịch bật/tắt lặp lại theo khung giờ hàng ngày để điều hòa tự vận hành mà không cần thao tác

Thông báo lỗi kịp thời – Sử dụng thiết bị an tâm hơn

Nhận thông báo khi có sự cố hoặc hoạt động bất thường giúp dễ dàng kiểm tra và sửa chữa nhanh hơn.

Tạo bối cảnh sinh hoạt - Điều chỉnh điều hòa vận hành theo nhịp sống của bạn

Người dùng có thể tạo các Bối cảnh (còn được gọi là kịch bản sử dụng) theo nhịp sinh hoạt trong ngày. Với một lần thiết lập, người dùng có thể điều chỉnh một hay nhiều điều hòa theo bối cảnh chỉ bằng một chạm.

Ví dụ: Người dùng có thể thiết lập Bối cảnh “Đi ngủ” theo nhu cầu của riêng mình. Mỗi khi kích hoạt bối cảnh này, điều hòa sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ, tốc độ quạt gió theo lập trình trước đó.

TIẾT KIỆM ĐIỆN HƠN

Điều hòa Funiki thế hệ mới Power AI đạt tiêu chuẩn tiết kiệm điện 5 sao theo tiêu chuẩn mới TCVN 7830:2021 (áp dụng từ tháng 4/2025) với chỉ số **CSPF 6.01** (với model HPIC 09TMU) - Tiết kiệm điện, người dùng an tâm tận hưởng bầu không khí mát lành mà không lo về hóa đơn tiền điện.

Chế độ **Eco+**

Tiết kiệm năng lượng và nâng cao trải nghiệm người dùng với chế độ Eco+ tích hợp trí tuệ nhân tạo AI.

Hệ thống dữ liệu về các yếu tố môi trường đa chiều kết hợp tính năng Eco+ có thể đưa dự đoán và tự động điều chỉnh nhiệt độ, đảm bảo sự thoải mái tối đa và tiết kiệm năng lượng hiệu quả.

Tiết kiệm năng lượng với chế độ Eco+ tích hợp thuật toán AI: Giảm hơn 30% so với chế độ thông thường.

Tiết kiệm năng lượng
với chế độ Eco+
kết hợp thuật toán AI

Hơn **30%***

So với chế độ thông thường
(Điều hoà Inverter)

LƯỢNG TIÊU THỤ ĐIỆN
(Kw/h)



(*) Theo kết quả kiểm nghiệm cấp bởi SGS (công ty chuyên về Thử nghiệm, Kiểm định và Chứng nhận cấp cho các sản phẩm, dịch vụ hoặc hệ thống quản lý)

BỀN BỈ HƠN

Điều hòa Funiki siêu bền bỉ, ngay cả khi vận hành ở môi trường khắc nghiệt

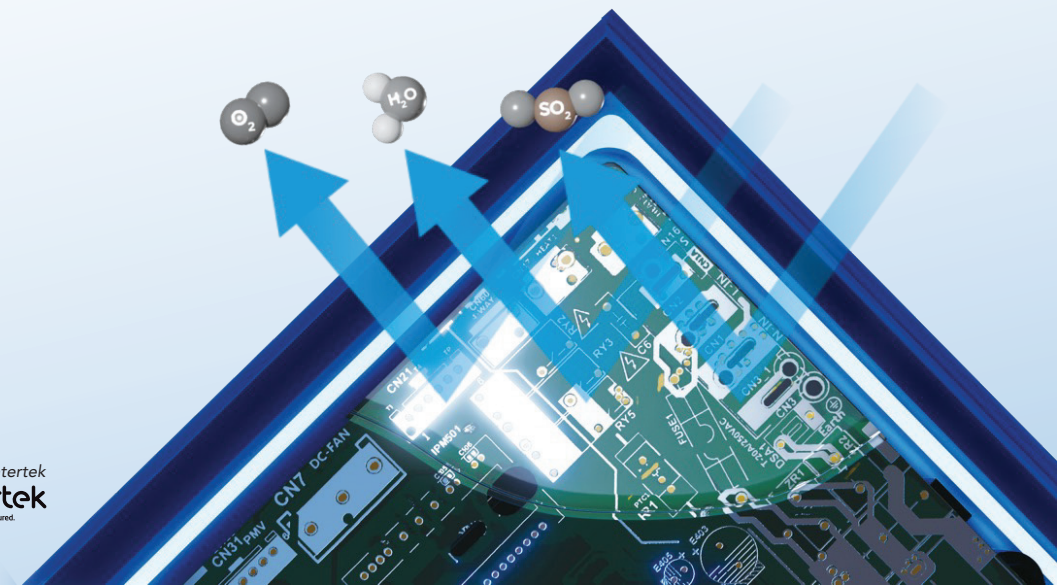
Bộ biến tần PCB thế hệ mới được cải tiến để duy trì hoạt động ngay cả khi nhiệt độ môi trường lên tới **55°C**.



Bo mạch điều hòa được phủ lớp bảo vệ bằng UV vượt trội*

Lớp phủ bo mạch điều hòa thế hệ mới giúp tăng cường khả năng chống chịu với thời tiết khắc nghiệt, nấm ẩm hoặc sự xâm nhập của các loại côn trùng vào máy.

(*) Được kiểm duyệt bởi Intertek
Verified by **intertek**
Total Quality Assured.



BỀN BỈ HƠN

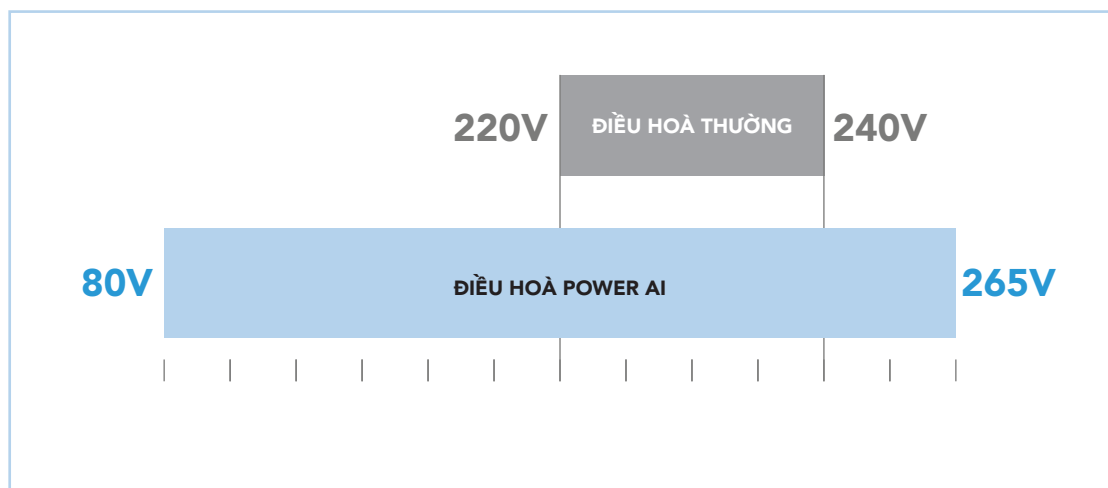
Lớp phủ mạ vàng Golden Fin trên dàn lạnh

Đem lại khả năng chống chịu acid, muối tốt hơn và hạn chế bị bào mòn.



Vận hành bền bỉ ở dải điện áp rộng

Điều hòa thông minh Funiki Power AI có thể hoạt động duy trì trong dải điện áp từ 80V–265V. Thiết bị vẫn vận hành bền bỉ ngay cả khi điện áp không ổn định, như tình trạng sụt áp, tăng áp hoặc thiếu điện tại khu vực vùng sâu, vùng xa.



Làm mát siêu nhanh với chế độ Turbo+

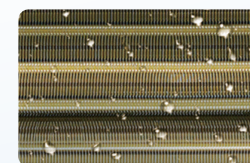
Chế độ Turbo+ đem lại khả năng làm mát nhanh chóng. Trong vòng 10 phút, nhiệt độ phòng giảm **5.06°C*** (với máy HPIC 09TMU), giúp người dùng thoải mái tận hưởng bầu không khí mát lạnh.



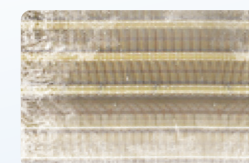
*Đã được kiểm nghiệm với dòng điều hòa HPIC 09TMU, trong điều kiện điều hòa vận hành ở chế độ Turbo+, tốc độ gió cao và hướng gió mặc định. Nhiệt độ phòng ban đầu là 35,97 độ, nhiệt độ phòng sau 10 phút là 30,9 độ.

Công nghệ tự làm sạch "rã băng" Active Clean

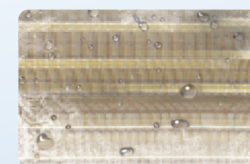
Quá trình tự làm sạch của dàn lạnh kéo dài 42 phút, thông qua 4 bước như sau:



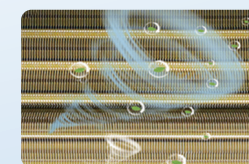
Bước 1: Nước bắt đầu ngưng tụ, sẵn sàng cho quá trình tự vệ sinh



Bước 2: Nước ngưng tụ bị đóng băng, loại bỏ các loại bụi bẩn bám vào dàn tản nhiệt



Bước 3: Rã đông, tạo thành dòng nước để cuốn theo các bụi bẩn đi



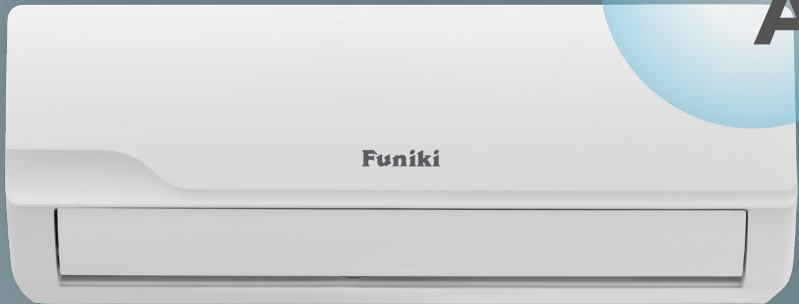
Bước 4: Quạt gió thổi sấy khô dàn lạnh



ĐIỀU HÒA THÔNG MINH FUNIKI THẾ HỆ MỚI

PowerAI

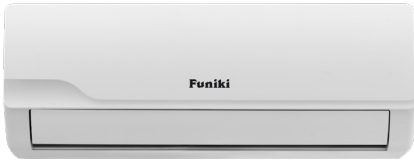
HPIC 09TMU



POWER
AI



- Máy nén Inverter
- Tính năng tự làm sạch "rã băng" Active Clean
- Làm lạnh nhanh Turbo+
- Chế độ tiết kiệm năng lượng Eco+ tích hợp trí tuệ nhân tạo AI



Bảng thông số

THÔNG SỐ		ĐVT	HPIC 09TMU
Loại máy			1 chiều (Lạnh)
Môi chất làm lạnh/ Định mức		G	R32/380
Công suất nhiệt (Làm lạnh)		W	2930
Thông số điện	Pha		1 Ph
	Điện áp	V	220-240V
	Dòng điện	A	5.2
	Công suất điện	W	760
Kích thước sản phẩm (RxSxC)	Cụm trong nhà	mm	825x199x286
	Cụm ngoài trời		720x270x495
Kích thước bao bì (RxSxC)	Cụm trong nhà	mm	870x270x360
	Cụm ngoài trời		828x298x540
Khối lượng sản phẩm (net/gross)	Cụm trong nhà	Kg	8.5/10.62
	Cụm ngoài trời		19.6/21.4
Đường kính ống dẫn chất làm lạnh	Ống hồi	mm	9.52
	Ống đẩy		6.35
Lưu lượng gió trong nhà (Cao/Trung bình/Thấp)		m³/h	625/450/370
Giới hạn đường ống dẫn gas	Chiều dài tối đa	m	25
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	10
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh hoặc dàn nóng
Diện tích làm mát		m²	13-20

Tính năng

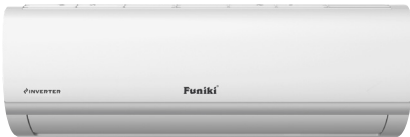
● Có | ○ Không có

Máy nén Inverter	●
Tính năng tự làm sạch	Làm sạch rã băng Active Clean
Làm lạnh nhanh Turbo	Turbo+
Chế độ ngủ Sleep Mode	●
Tự chẩn đoán lỗi	●
Lớp mạ bảo vệ Golden Fin	Chỉ có trên dàn lạnh
Màn hình hiển thị LED	●
Gas R32	●
Chế độ tiết kiệm năng lượng Eco	Eco+
Tự khởi động lại	●

ĐIỀU HÒA FUNIKI
Inverter 1 chiều lạnh
HIC 09/12/18/24TMU



- Máy nén Inverter
- Tính năng tự làm sạch
- Làm lạnh nhanh Turbo
- Chế độ tiết kiệm năng lượng Eco



Bảng thông số

THÔNG SỐ		ĐVT	HIC 09TMU	HIC 12TMU	HIC 18TMU	HIC 24TMU
Loại máy			1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)
Môi chất làm lạnh/ Định mức		g	R32/360	R32/440	R32/650	R32/830
Công suất nhiệt (Làm lạnh)		W	2638	3517	5237	6017
Thông số điện	Pha		1 Ph	1 Ph	1 Ph	1 Ph
	Điện áp	V	220-240V	220-240V	220-240V	220-240V
	Dòng điện	A	3.9	5.13	7.37	9.2
	Công suất điện	W	790	1120	1687	2101
Kích thước sản phẩm (R x S x C)	Cụm trong nhà	mm	715x194x285	805x194x285	957x213x302	1040x220x327
	Cụm ngoài trời		668x252x469	720x270x495	765x303x555	805x330x554
Kích thước bao bì (R x S x C)	Cụm trong nhà	mm	780x270x365	870x270x365	1035x295x385	1120x405x315
	Cụm ngoài trời		765x270x515	835x300x540	887x337x610	915x370x615
Khối lượng sản phẩm (net/gross)	Cụm trong nhà	Kg	7.4/9.5	8.2/10.4	10.85/14	13.6/16.9
	Cụm ngoài trời		17/18.6	21.7/23.7	27.2/29.4	29.6/32.3
Đường kính ống dẫn chất làm lạnh	Ống hồi	mm	9.52	9.52	12.70	15.90
	Ống đẩy		6.35	6.35	6.35	6.35
Lưu lượng gió trong nhà (Cao/Trung bình/Thấp)		m³/h	508/406/330	599/442/350	737/625/501	1050/840/630
Giới hạn đường ống dẫn gas	Chiều dài tối đa	m	25	25	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	10	10	20	20
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh
Diện tích làm mát		m²	12-18	16-23	24-35	32-47

Tính năng

● Có | ○ Không có

Máy nén Inverter	●	●	●	●
Tính năng tự làm sạch	●	●	●	●
Làm lạnh nhanh Turbo	●	●	●	●
Chế độ ngủ Sleep Mode	●	●	●	●
Tự chẩn đoán lỗi	●	●	●	●
Lớp mạ bảo vệ Golden Fin	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh
Màn hình hiển thị LED	●	●	●	●
Gas R32	●	●	●	●
Chế độ tiết kiệm năng lượng Eco	●	●	●	●
Tự khởi động lại	●	●	●	●

Thông số và tính năng của điều hòa có thể thay đổi theo tình hình thực tế

ĐIỀU HÒA FUNIKI
Inverter 2 chiều nóng/lạnh
HIH 09/12/18/24TMU



- Máy nén Inverter
- Tính năng tự làm sạch
- Làm lạnh nhanh Turbo
- Lớp bảo vệ Golden Fin trên dàn nóng và lạnh



Bảng thông số

THÔNG SỐ			ĐVT	HIH 09TMU	HIH 12TMU	HIH 18TMU	HIH 24TMU	HIH 24TMU1
Loại máy				2 chiều (N/L)	2 chiều (N/L)	2 chiều (N/L)	2 chiều (N/L)	2 chiều (N/L)
Môi chất làm lạnh/ Định mức			g	R32/550	R32/550	R32/1080	R32/1420	R32/1420
Công suất nhiệt	Làm lạnh		W	2648	3517	5275	7034	7000
	Làm nóng			2931	3810	5569	7327	7000
Thông số điện	Pha			1 Ph	1 Ph	1 Ph	1 Ph	1 Ph
	Điện áp		V	220-240V	220-240V	220-240V	220-240V	220-240V
	Dòng điện	Làm lạnh	A	4.64	5.27	6.7	11.5	11.5
		Làm nóng		3.18	4.73	6.8	11	11
	Công suất điện	Làm lạnh	W	707	1213	1550	2600	2600
		Làm nóng		733	1088	1570	2400	2400
Kích thước sản phẩm (RxSxC)	Cụm trong nhà		mm	805x194x285	805x194x285	957x213x302	1040x220x327	1040x220x327
	Cụm ngoài trời			720x270x495	720x270x495	805x330x554	890x342x673	890x342x673
Kích thước bao bì (RxSxC)	Cụm trong nhà		mm	870x270x365	870x270x365	1035x295x385	1120x405x315	1120x405x315
	Cụm ngoài trời			835x300x540	835x300x540	915x370x615	995x398x740	995x398x740
Khối lượng sản phẩm (net/gross)	Cụm trong nhà		Kg	7.6/9.7	7.6/9.8	10/13	12.3/15.8	12.3/15.8
	Cụm ngoài trời			23.2/25	23.2/25	32.7/35.4	42.9/45.9	42.9/45.9
Đường kính ống dẫn chất làm lạnh	Ống hồi		mm	9.52	9.52	12.7	15.9	15.9
	Ống đẩy			6.35	6.35	6.35	9.52	9.52
Lưu lượng gió trong nhà (Cao/Trung bình/Thấp)			m³/h	466/360/325	540/430/314	840/680/540	980/817/662	980/817/662
Giới hạn đường ống dẫn gas	Chiều dài tối đa		m	25	25	30	50	50
	Chênh lệch độ cao tối đa		m	10	10	20	25	25
Nguồn cấp điện				Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng
Diện tích làm mát			m²	12-18	16-23	24-35	32-47	32-47

Tính năng

● Có | ○ Không có

Máy nén Inverter	●	●	●	●
Tính năng tự làm sạch	●	●	●	●
Làm lạnh nhanh Turbo	●	●	●	●
Chế độ ngủ Sleep Mode	●	●	●	●
Tự chẩn đoán lỗi	●	●	●	●
Lớp mạ bảo vệ Golden Fin	●	●	●	●
Màn hình hiển thị LED	●	●	●	●
Gas R32	●	●	●	●
Chế độ tiết kiệm năng lượng Eco	●	●	●	●
Tự khởi động lại	●	●	●	●

Thông số và tính năng của điều hòa có thể thay đổi theo tình hình thực tế

ĐIỀU HÒA FUNIKI

On/Off 1 chiều lạnh

HSC 09/12/18/24TMU



- Tính năng tự làm sạch
- Lớp bảo vệ Golden Fin trên dàn lạnh
- Làm lạnh nhanh Turbo
- Chức năng tự chẩn đoán lỗi



Bảng thông số

THÔNG SỐ		ĐVT	HSC 09TMU1	HSC 09TMU	HSC 12TMU	HSC 18TMU	HSC 24TMU
Loại máy			1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)
Môi chất làm lạnh/ Định mức		g	R32/420	R32/420	R32/430	R32/750	R32/950
Công suất nhiệt (Làm lạnh)		W	2638	2638	3370	5129	6741
Thông số điện	Pha		1 Ph	1 Ph	1 Ph	1 Ph	1 Ph
	Điện áp	V	220-240V	220-240V	220-240V	220-240V	220-240V
	Dòng điện	A	3.6	3.33	4.5	7.6	9.6
	Công suất điện	W	775	765	1035	1640	2100
Kích thước sản phẩm (R x S x C)	Cụm trong nhà	mm	715x194x285	805x194x285	805x194x285	957x213x302	1040x220x327
	Cụm ngoài trời		720x270x495	720x270x495	765x303x555	765x303x555	890x342x673
Kích thước bao bì (R x S x C)	Cụm trong nhà	mm	780x270x365	870x270x360	870x270x360	1035x295x380	1120x405x310
	Cụm ngoài trời		835x300x540	828x298x540	887x337x610	887x337x610	995x398x740
Khối lượng sản phẩm (net/gross)	Cụm trong nhà	Kg	7.6/9.8	8.3/10.7	8.2/10.6	11/14	13.6/17
	Cụm ngoài trời		23.7/25.5	23.7/25.5	27.3/29.7	33.6/36	47.6/51
Đường kính ống dẫn chất làm lạnh	Ống hồi	mm	9.52	9.52	9.52	12.70	12.7
	Ống đẩy		6.35	6.35	6.35	6.35	6.35
Lưu lượng gió trong nhà (Cao/Trung bình/Thấp)		m³/h	496/380/334	593/439/348	639/462/391	790/640/520	995/895/740
Giới hạn đường ống dẫn gas	Chiều dài tối đa	m	20	20	20	25	25
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	8	8	8	10	10
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh
Diện tích làm mát		m²	12-18	12-18	16-23	24-35	32-47

Tính năng

● Có | ○ Không có

Máy nén Inverter	○	○	○	○	○
Tính năng tự làm sạch	●	●	●	●	●
Làm lạnh nhanh Turbo	●	●	●	●	●
Chế độ ngủ Sleep Mode	●	●	●	●	●
Tự chẩn đoán lỗi	●	●	●	●	●
Lớp mạ bảo vệ Golden Fin	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh
Màn hình hiển thị LED	●	●	●	●	●
Gas R32	●	●	●	●	●
Chế độ tiết kiệm năng lượng Eco	○	○	○	○	○
Tự khởi động lại	●	●	●	●	●

Thông số và tính năng của điều hòa có thể thay đổi theo tình hình thực tế

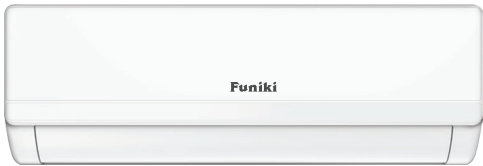
ĐIỀU HÒA FUNIKI

On/Off 1 chiều lạnh

HSC 09/12/18/24TMM



- Tính năng tự làm sạch
- Lớp bảo vệ Golden Fin trên dàn lạnh
- Làm lạnh nhanh Turbo
- Chức năng tự chẩn đoán lỗi



Bảng thông số

THÔNG SỐ		ĐVT	HSC 09TMM	HSC 12TMM	HSC 18TMM	HSC 24TMM
Loại máy			1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)	1 chiều (Lạnh)
Môi chất làm lạnh/ Định mức		g	R32/440	R32/430	R32/750	R32/940
Công suất nhiệt (Làm lạnh)		W	2638	3370	5275	7000
Thông số điện	Pha		1 Ph	1 Ph	1 Ph	1 Ph
	Điện áp	V	220-240V	220-240V	220-240V	220-240V
	Dòng điện	A	3.8	4.92	7.5	10
	Công suất điện	W	820	1050	1645	2100
Kích thước sản phẩm (RxSxC)	Cụm trong nhà	mm	813x201x289	813x201x289	975x218x308	1055x231x330
	Cụm ngoài trời		668x252x469	765x303x555	765x303x555	890x342x673
Kích thước bao bì (RxSxC)	Cụm trong nhà	mm	870x270x360	870x270x360	1035x295x380	1130x405x310
	Cụm ngoài trời		765x270x525	887x337x610	887x337x610	995x398x740
Khối lượng sản phẩm (net/gross)	Cụm trong nhà	Kg	8.5/10.8	8.5/10.7	10.4/13.5	12.6/16
	Cụm ngoài trời		21.4/23.1	25.9/28	33.6/36	46.94/49.94
Đường kính ống dẫn chất làm lạnh	Ống hồi	mm	9.52	9.52	12.70	12.70
	Ống đẩy		6.35	6.35	6.35	6.35
Lưu lượng gió trong nhà (Cao/Trung bình/Thấp)		m³/h	590/543/387	590/420/330	896/738/640	1380/1200/1150
Giới hạn đường ống dẫn gas	Chiều dài tối đa	m	20	20	25	25
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	10	8	10	10
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh
Diện tích làm mát		m²	12-18	16-23	24-35	32-47

Tính năng

● Có | ○ Không có

Máy nén Inverter	○	○	○	○
Tính năng tự làm sạch	●	●	●	●
Làm lạnh nhanh Turbo	●	●	●	●
Chế độ ngủ Sleep Mode	●	●	●	●
Tự chẩn đoán lỗi	●	●	●	●
Lớp mạ bảo vệ Golden Fin	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh	Chỉ có trên dàn lạnh
Màn hình hiển thị LED	●	●	●	●
Gas R32	●	●	●	●
Chế độ tiết kiệm năng lượng Eco	○	○	○	○
Tự khởi động lại	●	●	●	●

Thông số và tính năng của điều hòa có thể thay đổi theo tình hình thực tế

ĐIỀU HÒA FUNIKI
On/Off 2 chiều nóng/lạnh
HSH 10/12/18/24TMU



- Tính năng tự làm sạch
- Lớp bảo vệ Golden Fin trên dàn nóng và lạnh
- Làm lạnh nhanh Turbo
- Chức năng tự chẩn đoán lỗi



Bảng thông số

THÔNG SỐ		ĐVT	HSH 10TMU	HSH 12TMU	HSH 18TMU	HSH 24TMU
Loại máy			2 chiều (N/L)	2 chiều (N/L)	2 chiều (N/L)	2 chiều (N/L)
Môi chất làm lạnh/ Định mức		g	R32/530	R32/530	R32/1000	R32/1300
Công suất nhiệt	Làm lạnh	W	3079	3202	4938	6526
	Làm nóng		2936	3224	4770	6506
Thông số điện	Pha		1 Ph	1 Ph	1 Ph	1 Ph
	Điện áp	V	220-240V	220-240V	220-240V	220-240V
	Dòng điện	A	Làm lạnh 4.9	4.9	7.3	8.98
			Làm nóng 4.6	5.12	6.95	9
	Công suất điện	W	Làm lạnh 1055	1096	1649	2044
			Làm nóng 924	1104	1501	2060
Kích thước sản phẩm (R x S x C)	Cụm trong nhà	mm	805x194x285	805x194x285	957x213x302	1040x220x327
	Cụm ngoài trời		720x270x495	720x270x495	765x303x555	890x342x673
Kích thước bao bì (R x S x C)	Cụm trong nhà	mm	870x270x360	870x270x360	1035x295x380	1120x405x310
	Cụm ngoài trời		828x298x530	828x298x530	887x337x600	995x398x730
Khối lượng sản phẩm (net/gross)	Cụm trong nhà	Kg	8.1/10.4	8.1/10.4	10.9/13.8	13.7/17.1
	Cụm ngoài trời		25.6/26.6	25.6/27.4	34.5/37	47.9/50.9
Đường kính ống dẫn chất làm lạnh	Ống hồi	mm	12.7	12.7	12.7	15.9
	Ống đẩy		6.35	6.35	6.35	9.52
Lưu lượng gió trong nhà (Cao/Trung bình/Thấp)		m³/h	540/420/340	540/420/340	772/614/535	1000/800/700
Giới hạn đường ống dẫn gas	Chiều dài tối đa	m	20	20	25	25
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	8	8	10	10
Nguồn cấp điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh
Diện tích làm mát		m²	16-23	16-23	24-35	32-47

Tính năng

● Có | ○ Không có

Máy nén Inverter	○	○	○	○
Tính năng tự làm sạch	●	●	●	●
Làm lạnh nhanh Turbo	●	●	●	●
Chế độ ngủ Sleep Mode	●	●	●	●
Tự chẩn đoán lỗi	●	●	●	●
Lớp mạ bảo vệ Golden Fin	●	●	●	●
Màn hình hiển thị LED	●	●	●	●
Gas R32	●	●	●	●
Chế độ tiết kiệm năng lượng Eco	○	○	○	○
Tự khởi động lại	●	●	●	●

Thông số và tính năng của điều hòa có thể thay đổi theo tình hình thực tế